

HANWHA

Nhựa PE Tỷ Trọng Thấp Mạch Trắng

3304

Loại Màng Thổi

CHỈ SỐ CHẢY
TỶ TRỌNG

1.1
0.922

HANWHALLDPE3304 được sản xuất bởi quy trình Unipol và được thiết kế cho màng nhựa có mục đích sử dụng chung. LLDPE3304 có sự kết hợp cân bằng giữa đặc tính cơ học và tính dễ gia công.

Sản phẩm tuân thủ quy định 21CFR177.1520(c)3.1.a của FDA Hoa Kỳ.

■ Các đặc tính nổi bật

Đặc tính cơ học
Tính dễ gia công

■ Các điều kiện gia công

Nhiệt độ nóng chảy: 150~190°C
Hệ số thổi: 2~3
Biên độ định cỡ tối ưu: 0.03 ~ 0.1mm

■ Các chất phụ gia

Chất chống oxy hóa, phụ gia trượt, phụ gia chống đóng khối

■ Các đặc điểm vật lý

Các đặc điểm vật lý	Đơn vị	Phương pháp thí nghiệm	Giá trị
Chỉ số chảy	g/10 phút	ASTMD1238	1.1
Tỷ trọng	g/cc	ASTMD1505AS	0.922
Điểm hóa mềm	°C	TMD1525	105
VicatĐiểm nóng chảy	°C	Phương pháp HCC	125
Cường độ chịu kéo tại điểm đứt	kg/cm ²	ASTMD638	220
Độ giãn dài tại điểm đứt	%	ASTMD638	900
Nhiệt độ giòn, F ₀	°C	ASTMD746	<-76
Các đặc điểm màng nhựa	Đơn vị	Phương pháp kiểm tra	Giá trị
Độ dày màng nhựa:	mm	Phương pháp HCC	0.03
Cường độ chịu kéo tại điểm đứt	kg/cm ²	ASTMD882AS	420
			370
Độ giãn dài tại điểm đứt	%	TMD882	550
			700
Cường độ chịu xé kéo	Kg/cm	ASTMD1004	120
			125
Độ bền va đập DartĐộ mờ	g	ASTMD1709AS	130
	%	TMD1003	12.0

1. Đây là những giá trị điển hình: không được coi là yêu cầu kỹ thuật.

2. Giá trị các đặc tính phụ thuộc một phần vào các điều kiện hình học và chế tạo.

